



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NĂM 2019 - 2020

Phụ lục 1

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI 09 NHNN CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ
PHÍA BẮC VÀ MỘT SỐ ĐƠN VỊ THUỘC NHNN TRUNG ƯƠNG NĂM 2019 - 2020

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phỏng vấn.

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	NHNN Chi nhánh TP Hà Nội											
I.1	Vị trí Chuyên viên Nghiệp vụ											
1	NV 2002	Lương Thị	An		10-11-1991	CVNV	33	25	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 1: 7h00 - 9h30	Thứ Bảy, ngày 20/6/2020
2	NV 2003	Đỗ Hoàng	Anh	26-08-1992		CVNV	49	22	Đạt			
3	NV 2004	Vũ Tuấn	Anh	29-09-1990		CVNV	37	Miễn	Đạt			
4	NV 2006	Lê Hoàng	Anh	25-01-1993		CVNV	44	22	Đạt			
5	NV 2007	Nguyễn Việt	Anh	01-07-1989		CVNV	39	24	Đạt			
6	NV 2008	Dương Lê Đức	Anh	05-02-1994		CVNV	41	25	Đạt			
7	NV 2009	Nguyễn Ngọc Châu	Anh		01-03-1997	CVNV	44	26	Đạt			
8	NV 2010	Nguyễn Phương	Anh		09-09-1997	CVNV	42	26	Đạt			
9	NV 2012	Nguyễn Huệ	Anh		3-10-1996	CVNV	35	29	Đạt			
10	NV 2015	Vũ Mai	Anh		01-01-1995	CVNV	44	Miễn	Đạt			
11	NV 2016	Nguyễn Ngọc	Bích		17-01-1992	CVNV	38	23	Đạt			
12	NV 2018	Nguyễn Cao	Cường	17-04-1993		CVNV	47	25	Đạt			
13	NV 2020	Cao Thị Kim	Chi		25-12-1996	CVNV	43	Miễn	Đạt			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	NV 2022	Hoàng Văn Chí	06-7-1995		CVNV	45	24	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 2: 9h00 - 11h30	Thứ Bảy, ngày 20/6/2020
15	NV 2023	Lê Thị Tuyết Chinh		07-10-1991	CVNV	41	21	Đạt			
16	NV 2024	Trần Thị Minh Diệu		03-11-1996	CVNV	45	23	Đạt			
17	NV 2025	Phạm Phương Dung		24-05-1991	CVNV	35	21	Đạt			
18	NV 2026	Trịnh Việt Dũng	10-09-1992		CVNV	37	22	Đạt			
19	NV 2027	Đinh Mạnh Dũng	26-12-1990		CVNV	43	24	Đạt			
20	NV 2030	Đặng Tùng Dương	02-06-1993		CVNV	41	20	Đạt			
21	NV 2031	Lê Thùy Dương		18-12-1993	CVNV	37	Miễn	Đạt			
22	NV 2033	Đào Thành Đạt	06-07-1990		CVNV	33	Miễn	Đạt			
23	NV 2034	Lý Hương Giang		12-5-1997	CVNV	38	24	Đạt			
24	NV 2035	Vũ Minh Hà		05-02-1992	CVNV	41	Miễn	Đạt			
25	NV 2036	Nguyễn Chí Trần Hà	07-10-1990		CVNV	50	26	Đạt			
26	NV 2037	Nguyễn Thu Hà		23-05-1990	CVNV	39	19	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Ca 1: 7h00 - 9h30	Thứ Bảy, ngày 20/6/2020
27	NV 2038	Hoàng Thanh Hà	05-4-1994		CVNV	45	24	Đạt			
28	NV 2040	Vũ Thảo Hạnh		09-11-1995	CVNV	49	28	Đạt			
29	NV 2041	Trần Thị Thúy Hạnh		05-01-1992	CVNV	45	24	Đạt			
30	NV 2042	Lê Thị Bích Hạnh		27-01-1988	CVNV	37	22	Đạt			
31	NV 2043	Dư Thị Hồng Hào		18-10-1991	CVNV	33	25	Đạt			
32	NV 2044	Trần Thị Hằng		11-05-1995	CVNV	49	25	Đạt			
33	NV 2045	Lưu Thu Hằng		25-09-1990	CVNV	39	19	Đạt			
34	NV 2046	Triệu Thu Hằng		22-07-1994	CVNV	41	22	Đạt			
35	NV 2047	Nguyễn Thị Hằng		01-07-1991	CVNV	46	23	Đạt			
36	NV 2048	Nguyễn Thu Hằng		21-7-1987	CVNV	51	Miễn	Đạt			
37	NV 2049	Phan Thị Thúy Hằng		04-02-1992	CVNV	46	29	Đạt			
38	NV 2050	Trương Công Hậu	12-5-1989		CVNV	37	27	Đạt			
39	NV 2051	Nguyễn Thị Thu Hiền		10-04-1984	CVNV	39	21	Đạt			

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phòng vắn (vòng 2)	Ca phòng vắn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
40	NV 2053	Trần Thị Phương	Hoa		17-11-1996	CVNV	49	21	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Ca 2: 9h00 - 11h30	Thứ Bảy, ngày 20/6/2020
41	NV 2054	Nguyễn Lê	Hòa	01-02-1991		CVNV	44	Miễn	Đạt			
42	NV 2055	Nguyễn Xuân	Hòa	12-01-1995		CVNV	39	Miễn	Đạt			
43	NV 2056	Trần Minh	Hoàng	19-9-1995		CVNV	50	21	Đạt			
44	NV 2059	Phạm Thị	Huyền		28-09-1985	CVNV	35	19	Đạt			
45	NV 2060	Trần Thị Khánh	Huyền		05-09-1997	CVNV	48	21	Đạt			
46	NV 2061	Vũ Thị Thanh	Huyền		27-01-1993	CVNV	43	26	Đạt			
47	NV 2062	Bùi Thị	Huyền		10-02-1985	CVNV	38	19	Đạt			
48	NV 2063	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		29-03-1989	CVNV	46	25	Đạt			
49	NV 2065	Nguyễn Thanh	Huyền		04-06-1994	CVNV	35	23	Đạt			
50	NV 2066	Lê Thị Khánh	Huyền		10-9-1997	CVNV	47	25	Đạt			
51	NV 2069	Dương Đỗ Thu	Hương		07-04-1992	CVNV	43	20	Đạt			
52	NV 2070	Vũ Thị	Hương		28-02-1996	CVNV	39	19	Đạt			
53	NV 2072	Cao Lê Mai	Hương		30-9-1997	CVNV	40	Miễn	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 20/6/2020
54	NV 2074	Bùi Xuân	Khải	15-10-1994		CVNV	42	18	Đạt			
55	NV 2076	Phạm Mạnh	Khoa	01-08-1990		CVNV	49	23	Đạt			
56	NV 2077	Trần Thanh	Lam		11-05-1997	CVNV	41	21	Đạt			
57	NV 2078	Nguyễn Thanh	Lam		07-03-1995	CVNV	30	20	Đạt			
58	NV 2079	Nguyễn Thị Hồng	Lanh		02-09-1994	CVNV	49	Miễn	Đạt			
59	NV 2080	Lại Tùng	Lâm	01-09-1997		CVNV	41	20	Đạt			
60	NV 2081	Bùi Thùy	Linh		08-05-1994	CVNV	48	22	Đạt			
61	NV 2083	Phạm Thị	Linh		01-04-1988	CVNV	48	24	Đạt			
62	NV 2086	Nguyễn Như	Long	12-03-1992		CVNV	46	22	Đạt			
63	NV 2091	Nguyễn Nguyệt	Minh		03-01-1997	CVNV	38	25	Đạt			
64	NV 2092	Nguyễn Công	Minh	06-10-1992		CVNV	41	18	Đạt			
65	NV 2095	Lưu Thị Hằng	Nga		29-9-1991	CVNV	45	25	Đạt			
66	NV 2096	Lê Thị	Nga		02-09-1983	CVNV	41	Miễn	Đạt			



Handwritten signature or mark.

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
67	NV 2098	Hoàng Kim	Nghĩa	14-11-1994		CVNV	44	Miễn	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 2: 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 20/6/2020
68	NV 2100	Nguyễn Thị	Ngọc		12-4-1985	CVNV	51	19	Đạt			
69	NV 2101	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		24-12-1995	CVNV	37	16	Đạt			
70	NV 2102	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		16-04-1997	CVNV	57	24	Đạt			
71	NV 2104	Nguyễn Thị	Nhường		02-02-1992	CVNV	32	19	Đạt			
72	NV 2105	Trần Minh	Phúc	26-11-1996		CVNV	39	Miễn	Đạt			
73	NV 2107	Bùi Thị	Phương		20-3-1987	CVNV	42	23	Đạt			
74	NV 2109	Đặng Thị Minh	Phương		24-05-1993	CVNV	38	Miễn	Đạt			
75	NV 2110	Lò Thị Nam	Phương		09-11-1994	CVNV	43	24	Đạt			
76	NV 2111	Nguyễn Thị Hà	Phương		24-04-1991	CVNV	53	26	Đạt			
77	NV 2113	Đỗ Minh	Phượng		28-10-1991	CVNV	43	23	Đạt			
78	NV 2117	Nguyễn Quang	Sáng	12-01-1994		CVNV	37	17	Đạt			
79	NV 2118	Vũ Thị Hồng	Sâm		05-07-1993	CVNV	37	20	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 20/6/2020
80	NV 2119	Lê Xuân	Son	26-03-1997		CVNV	50	20	Đạt			
81	NV 2122	Trần Thủy	Tiên		12-09-1994	CVNV	30	16	Đạt			
82	NV 2124	Phạm Anh	Tôn	30-08-1990		CVNV	43	Miễn	Đạt			
83	NV 2125	Hoàng Minh	Tú	13-04-1989		CVNV	51	Miễn	Đạt			
84	NV 2127	Đình	Tuấn	15-09-1992		CVNV	42	20	Đạt			
85	NV 2128	Nguyễn Lê	Thái	04-12-1997		CVNV	40	23	Đạt			
86	NV 2131	Trần Thị Kim	Thành		17-8-1995	CVNV	51	27	Đạt			
87	NV 2136	Chu Văn	Thắng	03-02-1990		CVNV	47	19	Đạt			
88	NV 2137	Phù Anh	Thơ		06-01-1997	CVNV	36	Miễn	Đạt			
89	NV 2138	Nguyễn Thị	Thủy		04-12-1996	CVNV	41	20	Đạt			
90	NV 2139	Nguyễn Ngọc Lệ	Thủy		30-4-1988	CVNV	38	20	Đạt			
91	NV 2140	Nguyễn Anh	Thư		12-02-1997	CVNV	49	25	Đạt			
92	NV 2143	Phạm Thu	Trang		19-7-1997	CVNV	33	27	Đạt			



th

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phòng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
93	NV 2144	Phạm Thu Trang		21-06-1995	CVNV	47	24	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 2: 15h00 - 17h30	Thứ Bảy, ngày 20/6/2020
94	NV 2145	Nguyễn Thị Thu Trang		27-12-1988	CVNV	46	Miễn	Đạt			
95	NV 2146	Cao Thị Huyền Trang		15-09-1992	CVNV	48	22	Đạt			
96	NV 2147	Trần Thị Huyền Trang		31-03-1991	CVNV	48	24	Đạt			
97	NV 2149	Nguyễn Ngọc Trâm		13-06-1994	CVNV	50	Miễn	Đạt			
98	NV 2150	Ngô Bảo Trung	04-06-1993		CVNV	51	18	Đạt			
99	NV 2152	Lê Võ Châu Uyên		08-04-1997	CVNV	31	22	Đạt			
100	NV 2153	Nguyễn Thị Tường Vân		26-02-1997	CVNV	31	Miễn	Đạt			
101	NV 2154	Nguyễn Thị Vân		08-08-1989	CVNV	40	24	Đạt			
102	NV 2155	Nguyễn Thị Vân		02-9-1990	CVNV	37	Miễn	Đạt			
103	NV 2156	Nguyễn Xuân Việt	12-02-1992		CVNV	49	29	Đạt			
104	NV 2159	Nguyễn Hải Yến		21-10-1993	CVNV	32	28	Đạt			
105	NV 2160	Trần Thị Hải Yến		21-02-1995	CVNV	30	Miễn	Đạt			
106	NV 2130	Nguyễn Quang Thanh	31-5-1996		CVNV	31	10	Không đạt			
107	NV 2121	Nguyễn Văn Tân	02-11-1993		CVNV	39	13	Không đạt			
108	NV 2089	Lê Thị Mai		14-04-1991	CVNV	33	13	Không đạt			
109	NV 2084	Trần Thị Khánh Linh		27-12-1997	CVNV	27	Miễn	Không đạt			
110	NV 2073	Đặng Thị Bích Hương		26-05-1997	CVNV	27	20	Không đạt			
111	NV 2071	Lê Thị Mai Hương		09-02-1996	CVNV	29	Vắng	Không đạt			
112	NV 2161	Lê Thị Yến		20-01-1990	CVNV	Vắng	Vắng				
113	NV 2001	Lại Thị Thùy An		24-12-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
114	NV 2005	Trương Thị Phương Anh		09-01-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
115	NV 2011	Nguyễn Duy Anh		20-08-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
116	NV 2013	Nguyễn Thị Ngọc Anh		20-9-1996	CVNV	Vắng	Vắng				

th

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
117	NV 2014	Nguyễn Hồng Anh		16-2-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
118	NV 2017	Phùng Thị Cúc		15-09-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
119	NV 2019	Nguyễn Lê Chân		06-08-1998	CVNV	Vắng	Vắng				
120	NV 2021	Trương Thị Yến Chi		08-12-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
121	NV 2028	Nguyễn Thị Thùy Dương		25-12-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
122	NV 2029	Lê Vũ Thùy Dương		28-07-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
123	NV 2032	Đỗ Thùy Dương		22-9-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
124	NV 2039	Trương Trọng Hà	17-08-1981		CVNV	Vắng	Vắng				
125	NV 2052	Nguyễn Kim Hoa		06-04-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
126	NV 2057	Nguyễn Đức Hùng	23-09-1993		CVNV	Vắng	Vắng				
127	NV 2058	Bùi Quang Huy	28-10-1995		CVNV	Vắng	Miễn				
128	NV 2064	Vũ Thu Huyền		26-06-1987	CVNV	Vắng	Vắng				
129	NV 2067	Trần Khải Hưng	27-4-1984		CVNV	Vắng	Vắng				
130	NV 2068	Phan Lan Hương		05-02-1994	CVNV	Vắng	Miễn				
131	NV 2075	Đặng Thị Lâm Khanh		13-10-1989	CVNV	Vắng	Vắng				
132	NV 2082	Phạm Thùy Linh		12-06-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
133	NV 2085	Nguyễn Giang Loan		23-12-1990	CVNV	Vắng	Vắng				
134	NV 2087	Thiều Hữu Long	21-2-1993		CVNV	Vắng	Miễn				
135	NV 2088	Phạm Thị Lý		18-09-1984	CVNV	Vắng	Miễn				
136	NV 2090	Nguyễn Thị Hồng Mến		26-07-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
137	NV 2093	Nguyễn Trà My		07-11-1992	CVNV	Vắng	Vắng				
138	NV 2094	Đỗ Thu Ninh		24-03-1986	CVNV	Vắng	Vắng				
139	NV 2097	Nguyễn Thị Diệu Ngân		10-06-1995	CVNV	Vắng	Vắng				



Handwritten signature or mark.

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
140	NV 2099	Bùi Hồng Ngọc		15-09-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
141	NV 2103	Nguyễn Hồng Nhung		18-11-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
142	NV 2106	Nguyễn Hoàng Phúc	17-11-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
143	NV 2108	Nguyễn Thị Minh Phương		02-02-1989	CVNV	Vắng	Vắng				
144	NV 2112	Lưu Thị Hà Phương		22-02-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
145	NV 2114	Triệu Thị Quỳnh		15-03-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
146	NV 2115	Ngô Thị Thu Quỳnh		15-09-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
147	NV 2116	Nguyễn Phương Quỳnh		13-01-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
148	NV 2120	Tạ Đức Tài	27-06-1993		CVNV	Vắng	Miễn				
149	NV 2123	Phạm Minh Tiến	11-06-1992		CVNV	Vắng	Vắng				
150	NV 2126	Giang Thanh Tú		15-09-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
151	NV 2129	Bùi Quang Thái	17-01-1997		CVNV	Vắng	Vắng				
152	NV 2132	Vũ Phương Thảo		09-02-1997	CVNV	Vắng	Miễn				
153	NV 2133	Phạm Thị Phương Thảo		25-03-1994	CVNV	Vắng	Miễn				
154	NV 2134	Nguyễn Mạnh Thắng	12-10-1994		CVNV	Vắng	Vắng				
155	NV 2135	Phạm Việt Thắng	05-02-1995		CVNV	Vắng	Vắng				
156	NV 2141	Nguyễn Thị Thanh Thương		12-08-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
157	NV 2142	Đỗ Minh Trang		17-07-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
158	NV 2148	Nguyễn Thị Huyền Trang		07-08-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
159	NV 2151	Phạm Thành Trung	27-09-1993		CVNV	Vắng	Vắng				
160	NV 2157	Trần Thanh Vương	10-8-1996		CVNV	Vắng	Vắng				
161	NV 2158	Vũ Thị Ngọc Yên		30-7-1986	CVNV	Vắng	Vắng				

12

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I.2	Vị trí Chuyên viên Pháp chế Ngân hàng											
1	PC 2002	Phạm Thị Quỳnh	Anh		13-10-1995	PCNH	30	18	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 1: 7h00 - 9h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
2	PC 2003	Nguyễn Thị Vân	Anh		20-10-1983	PCNH	35	24	Đạt			
3	PC 2006	Trần Minh	Châu		11-02-1997	PCNH	43	30	Đạt			
4	PC 2007	Bùi Phúc Thuận	Châu	26-10-1997		PCNH	44	28	Đạt			
5	PC 2008	Nguyễn Khắc	Doanh	03-10-1992		PCNH	53	25	Đạt			
6	PC 2009	Đỗ Ngọc	Dung		29-6-1996	PCNH	48	25	Đạt			
7	PC 2010	Phạm	Duy	08-03-1997		PCNH	39	25	Đạt			
8	PC 2011	Nguyễn Thị Thảo	Duyên		03-05-1997	PCNH	46	26	Đạt			
9	PC 2012	Nguyễn Quang	Đạo	5-2-1996		PCNH	40	17	Đạt			
10	PC 2013	Vi Đức	Giang	21-04-1995		PCNH	37	16	Đạt			
11	PC 2014	Lê Thị Thu	Hà		23-03-1995	PCNH	50	25	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 2: 9h00 - 11h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
12	PC 2015	Nguyễn Thị	Hà		28-02-1997	PCNH	49	19	Đạt			
13	PC 2016	Đặng Thị	Hạnh		04-06-1997	PCNH	50	26	Đạt			
14	PC 2017	Lê Thị Hồng	Hạnh		23-09-1997	PCNH	47	26	Đạt			
15	PC 2018	Phạm Hồng	Hạnh		13-3-1995	PCNH	43	20	Đạt			
16	PC 2020	Hoàng Thị Mỹ	Hoa		15-08-1995	PCNH	42	22	Đạt			
17	PC 2021	Nguyễn Thu	Hồng		27-12-1997	PCNH	49	28	Đạt			
18	PC 2025	Trần Lan	Hương		17-05-1997	PCNH	46	22	Đạt			
19	PC 2026	Nguyễn Thị Hương	Liên		25-11-1997	PCNH	49	24	Đạt			
20	PC 2028	Lê Đức	Mạnh	24-12-1996		PCNH	37	25	Đạt			
21	PC 2031	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên		27-06-1997	PCNH	40	24	Đạt			
22	PC 2033	Lò Thị Trang	Nhung		30-11-1997	PCNH	41	23	Đạt			
23	PC 2034	Nguyễn Hùng	Sơn	24-05-1997		PCNH	37	16	Đạt			
24	PC 2035	Trịnh Thị Phương	Thảo		14-03-1996	PCNH	46	26	Đạt			
25	PC 2036	Nguyễn Phương	Thảo		09-7-1997	PCNH	42	26	Đạt			



th

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
26	PC 2038	Nguyễn Lê Thủy		20-8-1991	PCNH	51	27	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
27	PC 2039	Đinh Thị Huyền Trang		10-07-1991	PCNH	46	27	Đạt			
28	PC 2041	Đỗ Thị Hiệp Trang		18-7-1995	PCNH	46	25	Đạt			
29	PC 2043	Ngô Phương Vi	10-05-1997		PCNH	50	28	Đạt			
30	PC 2044	Nguyễn Quang Việt	22-11-1995		PCNH	43	30	Đạt			
31	PC 2045	Dương Thị Hải Yến		27-4-1985	PCNH	Vắng	Miễn				
32	PC 2001	Trần Thị Ngọc Ánh		14-10-1994	PCNH	Vắng	Vắng				
33	PC 2004	Nguyễn Thanh Bình		27-11-1993	PCNH	Vắng	Vắng				
34	PC 2005	Lưu Đình Cường	03-9-1997		PCNH	Vắng	Vắng				
35	PC 2019	Nguyễn Thị Phương Hoa		24-09-1996	PCNH	Vắng	Vắng				
36	PC 2022	Lê Thị Khánh Huyền		27-11-1992	PCNH	Vắng	Vắng				
37	PC 2023	Phạm Ngọc Huyền		02-07-1994	PCNH	Vắng	Vắng				
38	PC 2024	Đặng Thị Thanh Huyền		02-8-1993	PCNH	Vắng	Vắng				
39	PC 2027	Mai Khánh Linh		24-12-1997	PCNH	Vắng	Vắng				
40	PC 2029	Nguyễn Lê Kiều My		10-07-1995	PCNH	Vắng	Vắng				
41	PC 2030	Mai Thị Thúy Nga		07-11-1997	PCNH	Vắng	Vắng				
42	PC 2032	Lê Thị Nhơ		21-07-1984	PCNH	Vắng	Vắng				
43	PC 2037	Nguyễn Quang Thắng	15-10-1992		PCNH	Vắng	Vắng				
44	PC 2040	Nguyễn Thị Trang		21-08-1997	PCNH	Vắng	Vắng				
45	PC 2042	Phùng Thực Uyên		14-11-1996	PCNH	Vắng	Vắng				

th

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
II	NHNN Chi nhánh tỉnh Hưng Yên											
1	NV 2188	Bùi Ngọc	Bích		10-12-1990	CVNV	51	27	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 2: 15h00 - 17h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
2	NV 2192	Đinh Hữu	Đạt	22-8-1996		CVNV	43	28	Đạt			
3	NV 2193	Đoàn Thị Trà	Giang		09-9-1997	CVNV	41	27	Đạt			
4	NV 2194	Nguyễn Thị	Hiền		30-10-1994	CVNV	48	22	Đạt			
5	NV 2195	Vũ Thùy	Huê		23-12-1997	CVNV	48	26	Đạt			
6	NV 2196	Trần Hồng	Minh		25-01-1995	CVNV	46	26	Đạt			
7	NV 2197	Nguyễn Hồng	Nga		25-12-1996	CVNV	42	28	Đạt			
8	NV 2198	Vũ Thị Kim	Ngân		26-8-1989	CVNV	39	25	Đạt			
9	NV 2199	Đào Đức	Phú	16-10-1995		CVNV	50	23	Đạt			
10	NV 2200	Đỗ Thu	Phương		23-6-1998	CVNV	46	24	Đạt			
11	NV 2201	Trần Thị Như	Quỳnh		03-6-1989	CVNV	44	28	Đạt			
12	NV 2202	Đỗ Phương	Thảo		29-8-1995	CVNV	42	27	Đạt			
13	NV 2203	Nguyễn Việt	Thắng	3-9-1994		CVNV	48	30	Đạt			
14	NV 2204	Nguyễn Thị Anh	Thư		03-02-1992	CVNV	49	24	Đạt			
15	NV 2205	Nguyễn Thị Hương	Trang		11-5-1996	CVNV	52	26	Đạt			
16	NV 2189	Trần Quỳnh	Chi		25-12-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
17	NV 2190	Đặng Tùng	Dương	02-6-1993		CVNV	Vắng	Vắng				
18	NV 2191	Trần Thị Thùy	Dương		26-9-1995	CVNV	Vắng	Miễn				
III	NHNN Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh											
1	NV 2218	Nguyễn Thị	Hoa		25-9-1998	CVNV	46	24	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Ca 1: 7h00 - 9h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
2	NV 2219	Lã Hồng	Phúc	25-9-1997		CVNV	48	26	Đạt			
3	NV 2220	Mai Thị Thanh	Tâm		04-12-1996	CVNV	50	24	Đạt			
4	NV 2222	Nguyễn Phương	Thảo		19-11-1996	CVNV	48	29	Đạt			
5	NV 2223	Vũ Thị Thu	Trang		11-9-1994	CVNV	46	28	Đạt			
6	NV 2221	Phạm Chí	Thanh	12-7-1995		CVNV	Vắng	Vắng				

th

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
IV	NHNN Chi nhánh Hải Phòng											
1	NV 2162	Ngô Thị Lương	Anh		02-07-1985	CVNV	43	30	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Ca 2: 9h00 - 11h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
2	NV 2163	Nguyễn Quỳnh	Chi		13-10-1994	CVNV	50	26	Đạt			
3	NV 2164	Nguyễn Thị Kim	Chi		03-7-1985	CVNV	48	23	Đạt			
4	NV 2165	Nguyễn Thị	Dịu		10-02-1997	CVNV	50	20	Đạt			
5	NV 2167	Hoàng Mạnh	Đức	03-10-1986		CVNV	43	25	Đạt			
6	NV 2168	Lưu Tuấn	Đức	12-05-1996		CVNV	51	26	Đạt			
7	NV 2169	Giang Ngân	Hà		30-9-1988	CVNV	46	24	Đạt			
8	NV 2170	Lê Thị	Hồng		18-11-1991	CVNV	49	24	Đạt			
9	NV 2173	Đỗ Kim	Phương		19-7-1995	CVNV	50	28	Đạt			
10	NV 2175	Nguyễn Thùy	Tiên		31-10-1997	CVNV	39	28	Đạt			
11	NV 2172	Nguyễn Văn	Khải	30-7-1991		CVNV	44	12	Không đạt			
12	NV 2176	Nguyễn Thị	Thùy		08-10-1990	CVNV	46	14	Không đạt			
13	NV 2166	Đặng Tùng	Dương	02-06-1993		CVNV	Vắng	Vắng				
14	NV 2171	Phạm Thanh	Hương		10-11-1987	CVNV	Vắng	Miễn				
15	NV 2174	Nguyễn Minh	Phương		19-12-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
V	NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Nam											
1	NV 2177	Nguyễn Thùy	Dương		02-12-1993	CVNV	40	21	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
2	NV 2178	Lê Thị Minh	Ngọc		13-10-1996	CVNV	45	24	Đạt			

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
VI	NHNN Trung ương - Vị trí Chuyên viên Công nghệ thông tin											
1	CNTT 2004	Phạm Thị Ninh	Giang		09-7-1996	CNTT	32	21	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
2	CNTT 2005	Phạm Trí	Tú	19-11-1996		CNTT	43	23	Đạt			
3	CNTT 2006	Trần Nguyên	Thành	12-7-1991		CNTT	44	23	Đạt			
4	CNTT 2007	Nguyễn Hồng	Thuận		09-5-1985	CNTT	Vắng	Miễn				
5	CNTT 2008	Nguyễn Văn	Thương	15-10-1985		CNTT	Vắng	Vắng				
6	CNTT 2001	Nguyễn Quốc	Cường	14-8-1996		CNTT	Vắng	Vắng				
7	CNTT 2002	Nguyễn Tiến	Dũng	22-11-1993		CNTT	Vắng	Vắng				
8	CNTT 2003	Nguyễn Minh	Đức	27-10-1996		CNTT	Vắng	Vắng				
VII	NHNN Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa											
1	NV 2229	Lê Văn	Anh		12-12-1988	CVNV	46	29	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Ca 2: 15h00 - 17h30	Chủ nhật, ngày 21/6/2020
2	NV 2230	Trần Thị Minh	Diệu		03-11-1996	CVNV	48	27	Đạt			
3	NV 2231	Lê Hoàng	Giang	01-8-1992		CVNV	51	26	Đạt			
4	NV 2232	Nguyễn Thị	Hà		19-07-1995	CVNV	46	25	Đạt			
5	NV 2234	Lê Thu	Hiền		18-3-1990	CVNV	45	23	Đạt			
6	NV 2235	Bùi Thị	Hiếu		20-11-1988	CVNV	51	22	Đạt			
7	NV 2236	Lê Thị Mai	Hương		9-02-1996	CVNV	43	27	Đạt			
8	NV 2237	Lê Thị Mai	Linh		7-1-1993	CVNV	55	27	Đạt			
9	NV 2240	Nguyễn Tuấn	Long	11-03-1990		CVNV	48	20	Đạt			
10	NV 2241	Đỗ Ngọc Thanh	Nga		11-7-1995	CVNV	38	29	Đạt			
11	NV 2242	Hà Hồng	Phượng		23-9-1987	CVNV	50	22	Đạt			
12	NV 2243	Phạm Văn	Tài	3-11-1994		CVNV	53	25	Đạt			
13	NV 2245	Nguyễn Thị	Thúy		24-12-1991	CVNV	52	27	Đạt			

th

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	NV 2246	Lê Thị Linh	Trang		25-5-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
15	NV 2247	Phạm Thị Thu	Trang		8-8-1989	CVNV	Vắng	Vắng				
16	NV 2233	Nguyễn Hoàng	Hải	2-9-1993		CVNV	Vắng	Vắng				
17	NV 2238	Lê Thùy	Linh		27-8-1997	CVNV	Vắng	Vắng				
18	NV 2239	Nguyễn Thùy	Linh		01-5-1994	CVNV	Vắng	Vắng				
19	NV 2244	Đặng Chí	Thọ	28-7-1983		CVNV	Vắng	Vắng				
VIII NHNN Chi nhánh tỉnh Nam Định												
1	NV 2179	Vũ Thị	Chung		02-11-1989	CVNV	51	27	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 1: 7h00 - 9h30	Thứ Bảy, ngày 27/6/2020
2	NV 2180	Nguyễn Quang	Hưng	1-5-1993		CVNV	54	26	Đạt			
3	NV 2182	Nguyễn Diệu	Linh		12-08-1991	CVNV	45	24	Đạt			
4	NV 2183	Đặng Hà	Long	12-5-1998		CVNV	35	Miễn	Đạt			
5	NV 2184	Mai Thị	Mến		10-02-1989	CVNV	48	Miễn	Đạt			
6	NV 2185	Cao Thị	Nhung		06-02-1989	CVNV	49	25	Đạt			
7	NV 2187	Nguyễn Thị	Thu		25-10-1987	CVNV	50	27	Đạt			
8	NV 2181	Nguyễn Mai	Hương		28-3-1990	CVNV	Vắng	Vắng				
9	NV 2186	Tạ Thị Kim	Oanh		15-7-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
IX NHNN Chi nhánh tỉnh Thái Bình												
1	NV 2225	Nguyễn Thị	Duyên		04-12-1997	CVNV	42	29	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Ca 2: 9h00 - 11h30	Thứ Bảy, ngày 27/6/2020
2	NV 2227	Phạm Ngọc	Hải	16-01-1997		CVNV	50	25	Đạt			
3	NV 2228	Cao Thị Thu	Hằng		20-12-1988	CVNV	56	29	Đạt			
4	NV 2224	Vũ Thị Mai	Anh		12-8-1991	CVNV	Vắng	Vắng				
5	NV 2226	Lương Thái	Hà		12-12-1996	CVNV	Vắng	Vắng				

th

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ca phỏng vấn	Ngày thi vòng 2
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh				
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
X	NHNN Chi nhánh tỉnh Ninh Bình											
1	NV 2206	Đinh Thị Lan	Anh		23-09-1997	CVNV	49	24	Đạt	Bàn 1	Buổi chiều Ca 1: 13h00 - 15h30	Thứ Bảy, ngày 27/6/2020
2	NV 2207	Phạm Thị Phương	Dung		26-8-1996	CVNV	40	26	Đạt			
3	NV 2208	Phạm Hữu	Định	02-09-1993		CVNV	52	25	Đạt			
4	NV 2209	Vũ Thị	Giang		18-04-1995	CVNV	47	20	Đạt			
5	NV 2210	Hoàng Hồng	Hạnh		11-05-1992	CVNV	40	18	Đạt			
6	NV 2211	Mai Thị	Loan		23-08-1994	CVNV	32	21	Đạt			
7	NV 2213	Đỗ Thị Lâm	Oanh		13-01-1995	CVNV	45	17	Đạt			
8	NV 2216	Tổng Thị Thanh	Thơm		09-10-1991	CVNV	54	25	Đạt			
9	NV 2217	Mai Thị Phương	Thu		18-06-1995	CVNV	Vắng	Vắng				
10	NV 2212	Trần Thị	Mai		10-02-1993	CVNV	Vắng	Vắng				
11	NV 2214	Trịnh Thị	Quỳnh		06-09-1996	CVNV	Vắng	Vắng				
12	NV 2215	Trương Minh	Tuấn	13-11-1989		CVNV	Vắng	Vắng				

TM. HỘI ĐỒNG

ỦY VIÊN



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ

Đặng Văn Tuyên